

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TÂN PHƯỚC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 85/2024/DS-ST
Ngày 04-9-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần thị Kim Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Thu Thảo;
- Ông Lê Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp Hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST-DS ngày 01/8/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đa, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Tạm trú: Ấp Tân Hưng Phước, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do bà Nguyễn Thị H có chồng có tên gọi là 7 Anh nên gia đình – hàng xóm hay gọi bà Nguyễn Thị H là thiếu 7, bác 7, mợ 7. Trong giấy hội bà Trần Thị Kim T ghi tên bà Nguyễn Thị H là thiếu 7.

Năm 2021 – 2022 bà Nguyễn Thị H có tham gia hội do bà Trần Thị Kim T làm đầu thảo.

Cụ thể như sau:

Dây 1: Hội 5.000.000 đồng, khai vụ đông xuân tháng 2/2021, có 17 phần, mỗi vụ 03 tháng khai 01 lần, bà Nguyễn Thị H tham gia 01 phần, hội đã khai được 08 lần, đến lần khai thứ 9 thì bà Trần Thị Kim T ngưng không khai nữa.

Phần hội này bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Trần Thị Kim T trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn gốc: 08 lần x 3.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Dây 2: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 26/5/2022, có 21 phần, mỗi tháng khai 01 lần, bà Nguyễn Thị H tham gia 02 phần, hội đã khai được 15 lần, đến lần khai thứ 16 thì bà Trần Thị Kim T ngưng không khai nữa.

Phần hội này bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Trần Thị Kim T trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn gốc: 15 lần x 700.000 đồng x 2 phần = 21.000.000 đồng.

Dây 3: Đóng mỗi lần 5.000.000 đồng, khi hội chết đóng lại 7.000.000 đồng, hội khai vào vụ 2 năm 2022 (tháng 5/2022), có 14 phần, mỗi vụ 03 tháng khai 01 lần, bà Nguyễn Thị H tham gia 01 phần, hội đã khai được 04 lần, đến lần khai thứ 5 thì bà Trần Thị Kim T ngưng không khai nữa.

Phần hội này bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Trần Thị Kim T trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn gốc: 04 lần x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Trần Thị Kim T trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ hội là 65.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Trần Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Trần Thị Kim T không đến Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang làm việc và trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị H về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Bị đơn bà Trần Thị Kim T cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp Hợp đồng góp hui giữa bà Nguyễn Thị H với bà Trần Thị Kim T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là bà Trần Thị Kim T nhưng bà Trần Thị Kim T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Kim T.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Kim T trả số tiền nợ hui 65.000.000 đồng có cung cấp chứng cứ là giấy hui ngày 26/5/2022, giấy hui mùa 5.000.000 đồng vụ Đông Xuân năm 2021, Giấy hui mùa 5.000.000 đồng chết đóng 7.000.000 đồng vụ 2 năm 2022 để chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Kim T vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn bà Trần Thị Kim T có nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 65.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, buộc bị đơn bà Trần Thị Kim T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 65.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với các quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hội” đối với bà Trần Thị Kim T.

Buộc bà Trần Thị Kim T trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 65.000.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Kim T phải chịu 3.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
- Các đương sự:
+ NĐ: (01);
+ BĐ: (01);

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- Lưu HS, AV.

Mai Thanh Liêm

